

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Tiết 16: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

- 1.Kiến thức: Củng cố lại quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số;
- 2.Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết vào giải bài tập;
- 3.Thái độ: Thực hiện các dạng bài tập cơ bản đơn giản.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK, SBT, thước thẳng.
2. Chuẩn bị của trò: Vở ghi, SGK, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

- 1.Ôn định tổ chức:
2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số? Viết biểu thức tổng quát?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt
<u>Hoạt động 1:</u> Viết phép chia dạng lũy thừa GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán. GV: Em hãy nêu quy tắc chia hai lũy thừa cùng cơ số? GV: Cho 3 HS lên bảng trình bày cách thực hiện. GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.	Dạng 1: Viết dưới dạng lũy thừa <u>Bài tập 67 (30 – SGK)</u> a) $3^8 : 3^4 = 3^{8-4} = 3^4$ b) $10^8 : 10^2 = 10^{8-2} = 10^6$ c) $a^6 : a = a^{6-1} = a^5$
<u>Hoạt động 2:</u> Nhận biết đúng sai. GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán. GV: Mỗi phép tính cho ta mấy kết quả? Hãy chọn kết quả đúng trong các kết quả sau. GV: Cho 3 HS lên bảng trình bày cách thực hiện. GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.	Dạng 2: Nhận biết <u>Bài tập 69 (30 – SGK)</u> a) $3^3 \cdot 3^4$ bằng: 3^{12} ☐ S, 9^{12} ☐ S, 3^7 ☐ Đ, 6^7 ☐ S b) $5^5 : 5$ bằng: 5^5 ☐ S, 5^4 ☐ Đ, 5^3 ☐ S, 1^4 ☐ S c) $2^3 \cdot 2^2$ bằng: 8^6 ☐ S, 6^5 ☐ S, 2^7 ☐ Đ, 2^6 ☐ S
<u>Hoạt động 3:</u> Viết các số dưới dạng tổng các lũy thừa của 10. GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.	Dạng 3: Viết dưới dạng tổng các lũy thừa của 10 <u>Bài tập 70 (30 – SGK)</u> $987 = 900 + 80 + 7$

GV: Em hãy nêu cách viết một số tự nhiên dưới dạng lũy thừa của 10?

GV: Cho 3 HS lên bảng trình bày cách thực hiện.

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.

GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho học sinh.

Hoạt động 4: Nhận biết số chính phương

GV: Cho HS đọc đề bài và nêu yêu cầu của bài toán.

GV: Giới thiệu cho HS về số chính phương

GV: Em hãy tính giá trị của các biểu thức trên?

Mỗi số đó có phải là một số chính phương không? Vì sao?

GV: Cho HS lên bảng trình bày cách thực hiện.

GV: Cho HS nhận xét và bổ sung thêm.

$$= 9 \cdot 10^2 + 8 \cdot 10^1 + 7 \cdot 10^0$$

$$2564 = 2000 + 500 + 60 + 4$$

$$= 2 \cdot 10^3 + 5 \cdot 10^2 + 6 \cdot 10^1 + 4 \cdot 10^0$$

$$\overline{abcde} = a \cdot 10000 + b \cdot 1000 + c \cdot 100 + d \cdot 10 + e$$

$$= a \cdot 10^4 + b \cdot 10^3 + c \cdot 10^2 + d \cdot 10^1 + e \cdot 10^0$$

Dạng 4: Kiểm tra số chính phương
Bài tập 72 SGK

Kết quả là số chính phương.

a) 9

b) 36

c) 100

4. Củng cố - Luyện tập:

– Hãy nêu quy tắc nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số?

- Nhắc lại quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

– Hướng dẫn HS làm bài tập 77 trang 30 SGK:

Bài 77: a, $27 \cdot 75 + 25 \cdot 27 - 150$

$$= 2700 - 150$$

$$= 27 \cdot 100 - 150$$

$$= 2700 - 150 = 1550$$

b, Thực hiện theo thứ tự thực hiện các phép tính: ()

-> [] -> { }.

Bài 78: $12000 (1500 \cdot 2 + 1800 \cdot 3 + 1800 \cdot 2 : 3)$

$$= 12000 - (3000 + 5400 + 3600 : 3)$$

$$= 12000 - (3000 + 5400 + 1200)$$

$$= 12000 - 9600 = 2400$$

– Học sinh về nhà học bài và làm bài tập 77 - 82 SGK;

– Chuẩn bị bài mới.